

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 8 - 2025
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Công Điện;
Ông Nguyễn Văn Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Yến Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Cần Thơ.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 261/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025, về tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2025, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Đặng Thị Kiều P, sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện P, tỉnh Hậu Giang (nay là xã T, thành phố Cần Thơ). Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Trần Thanh H, sinh năm 1988

Địa chỉ: Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện P, tỉnh Hậu Giang (nay là xã T, thành phố Cần Thơ). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, nguyên đơn là bà Đặng Thị Kiều P trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn là ông Trần Thanh H tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2011, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống chung không hợp, bất đồng quan điểm, hôn nhân không hạnh phúc.

Về con chung: Có 02 con chung là: Trần Đặng Gia B, sinh ngày 02 tháng

3 năm 2013; Trần Đăng Gia N, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2020.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bị đơn; về con chung: Yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Đăng Gia N, đồng ý giao cháu Trần Đăng Gia B cho bị đơn nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu.

- Bị đơn là ông Trần Thanh H vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án nên không có lời trình bày.

- Tại biên bản ghi nhận ý kiến con chung ngày 03 tháng 7 năm 2025, con chung của nguyên đơn và bị đơn là cháu Trần Đăng Gia B trình bày nguyện vọng muốn sống chung với bị đơn nếu nguyên đơn và bị đơn ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Xuất phát từ mâu thuẫn vợ chồng, các đương sự đã sống ly thân từ đầu năm 2025 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, các đương sự không gặp gỡ để bàn biện pháp hàn gắn quan hệ hôn nhân; bỏ mặc vợ, chồng để sống ly thân; không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cũng không có mặt để trình bày ý kiến có mong muốn đoàn tụ hay không. Chứng minh hôn nhân giữa các đương sự đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn.

[3.2] Về con chung: Xét cháu Trần Đăng Gia B đã được bị đơn nuôi dưỡng ổn định, cháu Trần Đăng Gia N đã được nguyên đơn nuôi dưỡng ổn định

từ lúc các đương sự ly thân đến nay, cuộc sống của các cháu đã ổn định nên không cần thiết phải xáo trộn. Hơn nữa, cháu Trần Đăng Gia B cũng trình bày nguyện vọng muốn tiếp tục sống chung với bị đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Đăng Gia N, đồng ý giao cháu Trần Đăng Gia B cho bị đơn nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn cho rằng các đương sự không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; bị đơn không có mặt để xác định có tài sản chung, nợ chung hay không, có yêu cầu Tòa án giải quyết hay không. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, mà ghi nhận cho các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn bằng vụ kiện khác nếu có tài sản chung và nợ chung.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đặng Thị Kiều P.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Kiều P được ly hôn với ông Trần Thanh H.

1.2. Về con chung: Bà Đặng Thị Kiều P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Đăng Gia N, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2020; ông Trần Thanh H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Đăng Gia B, sinh ngày 02 tháng 3 năm 2013; không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Bà Đặng Thị Kiều P cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Trần Thanh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; ông Trần Thanh H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bà Đặng Thị Kiều P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, không xem xét.

2. Về án phí: Bà Đặng Thị Kiều P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002070 ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 13 - Cần Thơ) thành án phí, không ai phải nộp thêm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 13 - Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- UBND xã Tân Bình, TP Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Hữu Thắng